TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **64/2019/KDTM-PT**
Ngày **18/6/2019**
V/v "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Nhật Tân

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa**: Ông Trần Văn Lừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2019/TLPT-KDTM ngày 22/02/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng xây dựng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2018/KDTM-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐXX-PT ngày 03/5/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 314/2019/TB-TA ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên TB.

Địa chỉ: Số 3250 đường Hùng Vương, khu 1A, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Trọng Thủy - Chủ tịch kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Công Dũng - Chức vụ: Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo Hiến, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 41 nhà A8, Ngõ 120, đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy - Thành phố Hà Nội.

(Theo Giấy ủy quyền số 345/GUQ-TB ngày 11/12/2018 của Công ty TNHH MTV TB).

Bị đơn: Ban quản lý dự án X - Bộ giao thông vận tải.

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà D20 Tổng cục đường bộ Việt Nam, phố Tôn Thất Thuyết, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Long - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kiều Hưng - Chức vụ: Phó Giám đốc.

(Theo Giấy ủy quyền số 695/GUQ-BQLDA6 ngày 22/5/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2018 và các lời khai tại Tòa án đại diện Nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/5/2009 Công ty TB - Bộ Quốc phòng nay là Công ty TNHH MTV TB (sau đây gọi là Công ty TB) ký Hợp đồng xây dựng số: 1680/HĐXD với Ban quản lý dự án X - Bộ giao thông vận tải (sau đây gọi là Ban quản lý dự án X) và các phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 25/4/2014, số 02 ngày 26/9/2014, số 03 ngày 26/01/2015, số 04 ngày 29/9/2016 để thực hiện Gói thầu số 03 (Km 280 + 00 – Km 284 + 00), Dự án đầu tư, nâng cấp QL4 đoạn nối Hà Giang - Lào Cai (giai đoạn 1).

Ngày 15/11/2016, Công ty TB và Ban quản lý dự án X đã ký Hồ sơ Quyết toán của Gói thầu số 03. Giá trị hợp đồng là 39.815.115.300 đồng. Sau khi thực hiện xong hợp đồng và công trình đã đi vào hoạt động Ban quản lý dự án X còn nợ Công ty TB số tiền là 6.448.389.468 đồng và số tiền 747.621.128 đồng là giá trị khối lượng xử lý sụt trượt năm 2011. Ban quản lý dự án X đã nhiều lần cam kết trả hết nợ gốc và lãi cho Công ty TB nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Nay Công ty TB đề nghị Ban quản lý dự án X thanh toán trả cho Công ty TB số tiền nợ gốc và lãi như sau:

+ Số tiền 6.448.389.468 đồng trong bảng quyết toán giá trị khối lượng công việc hoàn thành được các bên ký kết xác nhận ngày 15/11/2016 và số tiền lãi của số tiền này từ ngày 01/01/2013 đến 28/11/2018 là 2.857.082.995 đồng.

+ Số tiền giá trị khối lượng xử lý sụt trượt năm 2011 đã được xác nhận trong bản quyết toán giá trị xây lắp là 747.621.128 đồng và số tiền lãi của số tiền này từ ngày 16/11/2016 đến 28/11/2018 là 223.427.820 đồng.

Tổng cộng là: 10.276.521.411 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm: Công ty TB rút yêu cầu đối với số tiền lãi phát sinh và chi phí bảo lãnh tín dụng là 324.145.401 đồng.

Tại các bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trình bày:

Số tiền 6.448.389.468 đồng trong hồ sơ quyết toán A - B chủ yếu là số tiền điều chỉnh giá và phát sinh trong quá trình thi công đã được Công ty TB và Ban quản lý dự án X ký kết xác nhận ngày 15/11/2016, theo đó Ban quản lý dự án X xác nhận còn nợ Công ty TB số tiền 6.448.389.468 đồng và số tiền lãi là 1.726.899.438 đồng. Theo Công ty TB đây là số tiền lãi do vay vốn Ngân hàng để thi công công trình và số tiền lãi phát sinh cộng với phí bảo lãnh tín dụng là 324.145.401 đồng. Ban quản lý dự án X đề nghị Công ty TB xem lại kỹ tất cả các hồ sơ liên quan, các văn bản pháp luật quy định về cách tính lãi suất cụ thể, thời điểm tính, giá trị tính và cân nhắc lại để đưa ra con số chính xác cụ thể về những khoản thanh toán nêu trên.

Đối với số tiền 747.621.128 đồng là giá trị khối lượng xử lý sụt trượt năm 2011 và số tiền lãi của số tiền này từ ngày 16/11/2016 đến ngày 28/11/2018 là 223.427.820 đồng. Tổng cộng là 971.048.948 đồng. Ban quản lý dự án X không đồng ý thanh toán số tiền này vì đây là số tiền liên quan đến bảo hiểm nên bảo hiểm phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho Công ty TB.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2018/KDTM-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội đã xử:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 76, Điều 81 Luật Xây dựng 2003;

- Điều 144, Điều 146, Điều 147 Luật Xây dựng 2014;

- Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ Luật Dân sự; Điều 306, Điều 319 Luật Thương mại;

- Điểm c khoản 1, Điều 27 Nghị định số 48 ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Xử:

***1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TB đối với Ban quản lý dự án X - Bộ Giao thông vận tải như sau:*

Buộc Ban quản lý dự án X - Bộ giao thông vận tải phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV TB số nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/11/2018 là 9.305.472.463 đồng. Trong đó gốc là 6.448.389.468 đồng lãi từ 01/01/2013 đến 28/11/2018 là 2.857.082.995 đồng

Buộc Ban quản lý dự án X - Bộ Giao thông vận tải phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV TB số tiền giá trị khối lượng xử lý sụt trượt năm 2011 (Theo quyết định số 1742/QĐ-TCĐBVN ngày 01/8/2016) là 747.621.128 đồng, lãi là từ ngày 16/11/2016 đến ngày 28/11/2018 là 223.427.820 đồng. Tổng là 971.048.948 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 10/12/2018 Nguyên đơn - Công ty TB kháng cáo một phần Bản án đề nghị tính lại số tiền lãi đối với số tiền 747.621.128 đồng chi phí xử lý sụt trượt năm 2011 phải được tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 28/11/2018 là 868.919.426 đồng.

Ngày 25/12/2018 Bị đơn - Ban quản lý dự án X kháng cáo một phần Bản án với nội dung: Không đồng ý trả tiền lãi của số tiền 6.448.389.468 đồng mà Ban quản lý dự án X chưa thanh toán và số tiền lãi của số tiền 747.621.128 đồng xử

lý sụt trượt năm 2011. Với lý do trong hồ sơ dự thầu của Công ty TB đã cam kết: "Lãi suất chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu đối với khoản tiền chậm thanh toán là 0% giá trị hợp đồng".

- Tại cấp phúc thẩm, Bị đơn cung cấp:

+ Bản Phô tô Công văn số 1687/BGTVT-KHĐT ngày 26/02/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc "tham gia ý kiến với phương án phân bổ dự phòng chung kế hoạch đầu tư vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 của Bộ KH&ĐT";

+ Bản sao Bản Phụ lục về một số điều kiện hợp đồng chính (kèm theo hồ sơ dự thầu - Gói thầu số 03: Km 280 – Km 284. Dự án đầu tư nâng cấp QL4) ngày 16/02/2009 của Công ty TB - Bộ Quốc Phòng.

- Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn cung cấp: Bản sao Biên bản Hội nghị thương thảo hợp đồng ngày 06/5/2009 (Gói thầu số 3: Km 280 + 000 – Km 284 + 000 (Bao gồm TKBVTC và chi phí dự phòng) thuộc dự án nâng cấp Quốc lộ 4 Đoạn nối Hà Giang - Lào Cai (Giai đoạn 1)).

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên toà vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không tính lãi của số tiền chậm thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Nguyên đơn, Bị đơn nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH một thành viên TB là Bị đơn có trụ sở tại: Tầng 9, tòa nhà D20 Tổng cục đường bộ, phố Tôn Thất Thuyết, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Nên căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn xuất phát từ Hợp đồng xây dựng số 1680/HĐXD mà các bên ký ngày 06/5/2009 được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp Hợp đồng xây dựng là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Ngày 06/5/2009 Công ty TB ký Hợp đồng xây dựng số 1680/HĐXD với Ban quản lý dự án X và các Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 25/4/2014, số 02 ngày 26/9/2014, số 03 ngày 26/01/2015, số 04 ngày 29/9/2016 để thực hiện Gói thầu số 03 (Km 280 + 00 – Km 284 + 00) là Dự án đầu tư, nâng cấp QL4 đoạn nối Hà Giang - Lào Cai (giai đoạn 1).

Ngày 15/11/2016, Công ty TB và Ban quản lý dự án X đã ký Hồ sơ Quyết toán của Gói thầu số 03. Tổng giá trị hợp đồng là 39.815.115.300 đồng. Sau khi thực hiện xong hợp đồng và công trình đã đi vào hoạt động Ban quản lý dự án X còn nợ chưa thanh toán cho Công ty TB số tiền là 6.448.389.468 đồng và số tiền 747.621.128 đồng giá trị khối lượng xử lý sụt trượt năm 2011 là đúng thực tế khách quan.

Xét nội dung kháng cáo của Nguyên đơn:

Trong quá trình thi công gói thầu số 03 Km 280 + 000 - Km 284 + 000 đối với dự án đầu tư nâng cấp Quốc lộ 4 đoạn nối Hà Giang - Lào Cai thì ngày 11/10/2011 đã xảy ra sự kiện công trình bị sụt trượt và đã được Công ty TB xử lý xong trước ngày 31/12/2011 và đến ngày 15/11/2016 hai bên đã ký Biên bản quyết toán giá trị xây dựng công trình trong đó thống nhất giá trị xử lý sụt trượt là 747.621.128 đồng như án sơ thẩm xác định là có căn cứ. Tuy nhiên căn cứ vào Bản phụ lục về một số điều kiện hợp đồng chính trong hồ sơ dự thầu của Công ty TB do Giám đốc Trần Xuân Lập ký ngày 16/02/2009 cam kết: "Chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu đối với khoản tiền chậm thanh toán là 0% giá trị hợp đồng" mà Hồ sơ dự thầu được quy định tại Điều 26 trong Hợp đồng xây dựng ngày 06/5/2009 là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng nên Công ty TB đề nghị Toà án tính lại ngày chậm thanh toán của số tiền 747.621.128 đồng từ ngày 01/01/2012 đến ngày 28/11/2018 với số tiền lãi 868.919.426 đồng là không đúng điều khoản mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng. Do đó không chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyên đơn.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Nguyên đơn cho rằng đơn kháng cáo của Bị đơn nộp quá hạn và đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn không được uỷ quyền kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của Bị đơn. Hội đồng xét xử thấy, sau khi tuyên án sơ thẩm ngày 28/11/2018 thì ngày 12/12/2018 (14 ngày) đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn đã nộp đơn kháng cáo cho Toà án cấp sơ thẩm và đã được Toà án cấp sơ thẩm thông báo sửa chữa, bổ sung đơn kháng cáo. Vì vậy căn cứ Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Bị đơn đã nộp đơn không quá thời hạn kháng cáo.

Xét về việc người đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn kháng cáo thì người đại diện theo pháp luật của Bị đơn cũng đã được biết và không phản đối. Đồng thời tại cấp phúc thẩm người đại diện theo pháp luật của Bị đơn vẫn tiếp tục uỷ quyền cho ông Nguyễn Kiều Hưng làm đại diện tham gia phiên toà để bảo vệ quyền lợi cho mình. Vì vậy hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của vị đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn.

Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn:

Căn cứ vào Hợp đồng xây dựng ngày 06/5/2009 được ký giữa Ban quản lý dự án X với Công ty TB. Tại Điều 8 hai bên đã thoả thuận về việc thanh toán bị chậm trễ theo quy định cụ thể của Nhà nước là điều khoản mà hai bên đã thoả thuận nhưng chưa rõ ràng. Mặt khác tại cấp phúc thẩm Bị đơn đã xuất trình Bản phụ lục về một số điều kiện Hợp đồng chính (kèm theo hồ sơ dự thầu) ngày 16/02/2009 của Giám đốc Công ty TB (Gói thầu số 03: Km280 - Km284 - Dự án nâng cấp QL4) đã cam kết "Lãi suất chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu đối với khoản tiền chậm thanh toán là 0% giá trị hợp đồng" nên căn cứ khoản 2 Điều 3 Bộ Luật Dân sự quy định: "*Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng."* Vì vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và sửa án sơ thẩm theo hướng buộc Bị đơn thanh toán trả Nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc.

Do sửa án sơ thẩm nên các bên đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Công ty TB phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Nhận định và đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phù hợp với những quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 38, Điều 147, Điều 148 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 76, Điều 81 Luật xây dựng 2003 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

- Điều 3, Điều 280 Bộ Luật Dân sự;

- Điều 319 Luật Thương mại;

- Điểm c khoản 1, Điều 27 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Xử:

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2018/KDTM-ST ngày 28/11/2018 của Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TB đối với Ban quản lý dự án X - Bộ Giao thông vận tải như sau:

Buộc Ban quản lý dự án X - Bộ giao thông vận tải phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV TB số tiền chưa thanh toán của gói thầu số 3 dự án đầu tư nâng cấp QL4 đoạn nối Hà Giang - Lào Cai là 6.448.389.468 đồng.

Buộc Ban quản lý dự án X - Bộ Giao thông vận tải phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV TB số tiền xử lý do công trình bị sụt trượt là 747.621.128 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn xin thi hành án đối với các khoản tiền trên nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Ban quản lý dự án X - Bộ Giao thông vận tải phải chịu 115.196.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ số tiền 2.000.000 đồng tiền dự phí kháng cáo (đã nộp) theo số Biên lai thu số 8221 ngày 04/01/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội thì còn phải chịu là 113.196.000 đồng.

- Công ty TNHH MTV TB số phải chịu 93.610.216 án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Đối trừ số tiền 58.450.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007805 ngày 16/5/2018 và 2.000.000 đồng tiền dự phí kháng cáo (đã nộp) theo số Biên lai thu số 8176 ngày 13/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội thì còn phải chịu là 33.160.216 đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 18/6/2019.

Nơi nhận:
- VKSND T/p Hà Nội;
- TAND quận Nam Từ Liêm, T/p Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận Nam Từ Liêm, T/p Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn